

THÔNG BÁO
CHỈ ĐỊNH-CHỐNG CHỈ ĐỊNH-CÁCH DÙNG-LIỀU DÙNG NHÓM THUỐC ĐIỀU TRỊ SUY TIM
2025-2027

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng
1	Digoxin-0,25mg	DIGOXINEQUALY	Viên	- Điều trị suy tim sung huyết. - Digoxin có thể được dùng trong một số trường hợp rối loạn nhịp trên thất nhất định, đặc biệt là rung nhĩ.	- Bệnh nhân bị loạn nhịp do nhiễm độc glycosid tim. - Bệnh nhân bị tắc nghẽn phì đại cơ tim, trừ khi bị rung nhĩ và suy tim đồng thời, nhưng vẫn nên thận trọng khi dùng digoxin. - Bệnh nhân loạn nhịp trên thất do đường dẫn phụ nhĩ thất, như trong hội chứng Wolff - Parkinson - White (WPW), trừ khi các đặc tính điện sinh lý của đường dẫn phụ và bất kỳ tác dụng có hại nào của digoxin đối với các đặc tính này đã được đánh giá. Nếu có hoặc nghi ngờ có đường dẫn phụ và không có tiền sử loạn nhịp trên thất trước đó, chống chỉ định sử dụng digoxin. - Bệnh nhân có block tim hoàn toàn từng cơn hoặc block nhĩ thất độ hai, đặc biệt nếu có tiền sử bị Stokes - Adams. - Bệnh nhân có nhịp nhanh thất hoặc rung thất.	*Cách dùng: Dùng đường uống. * Liều dùng: Người lớn và trẻ em > 10 tuổi - Liều khởi đầu nhanh: Dùng liều 0,75mg-1,5mg, một liều duy nhất. Nếu có nguy cơ cao hơn hoặc ít khẩn cấp hơn, liều khởi đầu đường uống nên được chia cách nhau mỗi 6 giờ, đánh giá đáp ứng lâm sàng trước khi cho liều bổ sung. - Liều khởi đầu chậm: Dùng liều 0,25mg-0,75mg mỗi ngày trong 1 tuần, sau đó dùng liều duy trì thích hợp. - Trong thực tế, hầu hết bệnh nhân suy tim được duy trì liều digoxin mỗi ngày từ 0,125-0,25mg. Trẻ em < 10 tuổi - Liều khởi đầu: + Trẻ sơ sinh thiếu tháng < 1,5kg: 25mcg/kg/24 giờ. + Trẻ sơ sinh thiếu tháng 1,5kg-2,5kg: 30mcg/kg/24 giờ. + Trẻ sơ sinh đủ tháng-2 tuổi: 45mcg/kg/24 giờ. + Trẻ từ 2-5 tuổi: 35mcg/kg/24 giờ. + Trẻ từ 5-10 tuổi: 25mcg/kg/24 giờ. - Liều duy trì: + Trẻ sơ sinh thiếu tháng: Liều hàng ngày = 20% liều khởi đầu trong 24 giờ. + Trẻ sơ sinh đủ tháng và trẻ < 10 tuổi: Liều hàng ngày = 25% liều khởi đầu trong 24 giờ.

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liệu dùng
2	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine hydrochloride)-5mg	IVABRADIN 5	Viên	Điều trị triệu chứng đau thắt ngực ổn định mạn tính: Ivabradine được chỉ định trong điều trị triệu chứng của cơn đau thắt ngực ổn định do bệnh tắc nghẽn mạch vành ở bệnh nhân với nhịp xoang bình thường và nhịp tim ≥ 70 nhịp/phút, bệnh nhân không thể dùng hoặc bị chống chỉ định với các thuốc chẹn beta, hoặc sử dụng đồng thời với atenolol 50mg hàng ngày khi có các cơn đau thắt ngực không ổn định. Điều trị suy tim mạn tính: Ivabradine được chỉ định trong điều trị triệu chứng suy tim mạn tính theo phân loại của Hiệp hội tim mạch New York loại II hoặc loại III với phân suất tống máu thất trái $\leq 35\%$ ở bệnh nhân trưởng thành và với nhịp tim ≥ 77 nhịp/phút, trong phối hợp điều trị suy tim mạn tính tiêu chuẩn tối ưu.	- Nhịp tim lúc nghỉ < 70 nhịp/phút trước khi điều trị. - Sốc tim. - Nhồi máu cơ tim cấp. - Hạ huyết áp nghiêm trọng ($< 90/50$mmHg). - Suy gan nặng. - Hội chứng suy nút xoang. - Block xoang nhĩ. - Suy tim cấp hoặc không ổn định. - Đau thắt ngực không ổn định. - Phụ thuộc máy tạo nhịp. - Block nhĩ thất độ 3. - Phối hợp với thuốc ức chế mạnh cytochrome P450 CYP3A4 như các thuốc kháng nấm nhóm azole (ketoconazol, itraconazole), kháng sinh nhóm macrolid (erythromycin uống, clarithromycin, josamycin, telithromycin), thuốc ức chế HIV protease (nelfinavir, ritonavir), nefazodone. - Phối hợp với verapamil hoặc diltiazem (ức chế CYP3A4 có khả năng giảm nhịp tim). - Phụ nữ có thai, cho con bú và phụ nữ có khả năng thụ thai đang không dùng các biện pháp tránh thai thích hợp. - Trẻ em < 18 tuổi.	*Cách dùng: Uống ngày 2 lần, vào buổi sáng và tối, uống trong bữa ăn. *Liều dùng: Điều trị triệu chứng đau thắt ngực ổn định mạn tính Liều khởi đầu thông thường không quá 5mg x 2 lần/ngày ở bệnh nhân < 75 tuổi. Sau 3-4 tuần điều trị, nếu vẫn còn triệu chứng, liều khởi đầu dung nạp tốt và nhịp tim lúc nghỉ duy trì trên 60 nhịp/phút, có thể tăng liều ở bệnh nhân dùng 2,5-5mg x 2 lần/ngày. Liều duy trì không nên vượt quá 7,5mg x 2 lần/ngày. Nếu trong quá trình điều trị, nhịp tim lúc nghỉ thường xuyên < 50 nhịp/phút hoặc bệnh nhân có triệu chứng liên quan đến chậm nhịp tim như chóng mặt, mệt mỏi, hạ huyết áp, liều điều trị cần được giảm xuống, có thể 2,5mg x 2 lần/ngày. Cần ngừng điều trị khi nhịp tim lúc nghỉ giảm < 50 nhịp/phút hoặc triệu chứng của nhịp tim chậm vẫn tiếp diễn. Điều trị suy tim mạn tính Liều khởi đầu thông thường khuyến cáo 5mg x 2 lần/ngày. Sau 2 tuần điều trị liều dùng có thể tăng 7,5mg x 2 lần/ngày nếu nhịp tim lúc nghỉ liên tục > 60 nhịp/phút. Liều dùng có thể giảm xuống 2,5mg x 2 lần/ngày nếu nhịp tim lúc nghỉ liên tục < 50 nhịp/phút hoặc trong trường hợp có các triệu chứng liên quan đến nhịp tim chậm như chóng mặt, mệt mỏi hoặc tụt huyết áp. Nếu nhịp tim ở giữa khoảng 50 và 60 nhịp/phút, duy trì liều dùng 5mg x 2 lần/ngày. Bệnh nhân > 75 tuổi sử dụng liều thấp hơn 2,5mg x 2 lần/ngày trước khi tăng liều nếu cần thiết.

Tài liệu tham khảo:
-Thông tin nhà sản xuất.

TRƯỞNG KHOA DƯỢC-VT-TBYT

Lê Công Trầm

NGƯỜI LẬP BẢNG

Phan Ngọc Tuyền